

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NOVI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NOVI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NOVI INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NOVI INVEST ., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107770724

**3. Ngày thành lập:** 21/03/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Ngải Cầu, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0916623238

Fax:

Email: huevt.novi@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                            | 4100     |
| 2.  | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet                                                                                                                                                                                                  | 6190     |
| 3.  | Cổng thông tin<br>(trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                        | 6312     |
| 4.  | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;                                                                                                                                                                                 | 6329     |
| 5.  | Hoạt động viễn thông vệ tinh                                                                                                                                                                                                                                                     | 6130     |
| 6.  | Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật                                                                                                                                                                                                               | 7210     |
| 7.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                            | 6201     |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng, hệ thống Thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí; | 4329     |
| 9.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7310     |
| 10. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                            | 8121     |
| 11. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                               | 4652     |
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng       | 4659     |

|     |                                                                                                      |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                | 8130        |
| 14. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                | 4321        |
| 15. | Xuất bản phần mềm                                                                                    | 5820(Chính) |
| 16. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                   | 6311        |
| 17. | In ấn                                                                                                | 1811        |
| 18. | Xây dựng công trình công ích                                                                         | 4220        |
| 19. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                              | 4663        |
| 20. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                            | 5510        |
| 21. | Phá dỡ                                                                                               | 4311        |
| 22. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                           | 4290        |
| 23. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                    | 4312        |
| 24. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                       | 4330        |
| 25. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                  | 4390        |
| 26. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                               | 4653        |
| 27. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                      | 4322        |
| 28. | Bán buôn tổng hợp                                                                                    | 4690        |
| 29. | Hoạt động viễn thông có dây                                                                          | 6110        |
| 30. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                            | 4210        |
| 31. | Sao chép bản ghi các loại                                                                            | 1820        |
| 32. | Hoạt động viễn thông không dây                                                                       | 6120        |
| 33. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                             | 1812        |
| 34. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                  | 4651        |
| 35. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                  | 6202        |
| 36. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                      | 6209        |
| 37. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                                    | 6820        |
| 38. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí                                                           | 9000        |
| 39. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                       | 7120        |
| 40. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                              | 8110        |
| 41. | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác                                                               | 8129        |
| 42. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                               | 4620        |
| 43. | Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn                                     | 7220        |
| 44. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: - Đại lý, môi giới<br>- Đại lý xổ số tự chọn, xổ số điện toán | 4610        |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

Thời gian đăng từ ngày 21/03/2017 đến ngày 20/04/2017

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán: 900.000**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                      | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN MẠNH HÙNG | Đường Phan Huy Ích, Tờ 8, Phường Thanh Tuyền, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam                     | Cổ phần phổ thông | 90.000     | 900.000.000           | 10,000    | 035094000502                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                                           | Tổng số           | 90.000     | 900.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                           |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | ĐẶNG NGỌC CƯỜNG  | Tập thể QĐ Xưởng 5 - BLT Biên Phòng, Tờ 7, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 90.000     | 900.000.000           | 10,000    | 036086000068                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                                           | Tổng số           | 90.000     | 900.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                           |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN THỊ NGÀ   | Thôn Cốc Hạ 2, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam                                              | Cổ phần phổ thông | 180.000    | 1.800.000.000         | 20,000    | 172019205                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                                           | Tổng số           | 180.000    | 1.800.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                           |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | VŨ THỊ HUỆ       | Thôn Phú Nhi, Xã Hưng Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam                                        | Cổ phần phổ thông | 90.000     | 900.000.000           | 10,000    | 173169506                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                                           | Tổng số           | 90.000     | 900.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                           |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 5   | LÊ NGỌC THIỆU    | Thôn Ngọc Sơn, Xã Định Tường, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam                                    | Cổ phần phổ thông | 270.000    | 2.700.000.000         | 30,000    | 172220040                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                                           | Tổng số           | 270.000    | 2.700.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                           |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 6   | LẠI ĐỨC THUẦN    | Thôn Lạc Chính, Xã Vũ Chính, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam                                | Cổ phần phổ thông | 180.000    | 1.800.000.000         | 20,000    | 034089000087                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                                           | Tổng số           | 180.000    | 1.800.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                           |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN MẠNH HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 28/12/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 035094000502

Ngày cấp: 23/05/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường Phan Huy Ích, Tổ 8, Phường Thanh Xuân, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 1 Tu Hoàng, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội